

BÀN THÊM VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG VĂN HÓA TRUNG QUỐC

Tóm tắt: Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới, ra đời ở Ấn Độ, nhưng truyền bá và phát triển mạnh mẽ ở các nước Đông Á và Đông Nam Á. Trong quá trình truyền bá ở Trung Quốc và dần được Trung Quốc hóa, Phật giáo ảnh hưởng sâu rộng đến văn hóa Trung Quốc. Bài viết góp phần làm rõ thêm ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo trong văn hóa Trung Quốc ở các phương diện: tôn giáo bản địa, tâm lý và tính cách của người dân, văn học, nghệ thuật kiến trúc.

Từ khóa: Phật giáo, tôn giáo bản địa, văn hóa, văn học, kiến trúc, Trung Quốc.

1. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với tôn giáo bản địa Trung Quốc

Nhìn vào lịch sử Trung Quốc, có thể thấy, ảnh hưởng của Phật giáo đối với hai tôn giáo bản địa tiêu biểu của quốc gia này là Nho giáo và Đạo giáo thể hiện trên ba phương diện:

Một là, ảnh hưởng giữa Phật giáo và Đạo giáo: Trong quá trình dùng tiếng Hán để dịch các tác phẩm Phật giáo, nhiều trường hợp, người dịch tự ý sử dụng các danh từ của Đạo giáo. Nhiều vị thần của Đạo giáo được Phật giáo thừa nhận. Vào thế kỷ V, đạo sĩ Khấu Kiêm Chi đã xây dựng một tự viện tại khu vực nay là huyện Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, với đầy đủ giáo luật, lễ nghi của Phật giáo.

Hai là, ảnh hưởng giữa Phật giáo và Nho giáo: Sản phẩm điển hình của sự dung hòa giữa Phật giáo và Nho giáo là cư sĩ. “Cư sĩ là từ để chỉ học giả Nho giáo sống cuộc sống ẩn cư của Phật giáo mà không xuất gia thành tăng sĩ. Đây là phát minh riêng có của Trung Quốc. Nó cho phép một tín đồ Phật giáo có thể kết hôn và ăn chay khi cảm thấy tiện”¹. Học giả nổi tiếng đời Tống là Tô Thức (1036 - 1101), tự là Từ Chiêm, đã dùng danh từ cư sĩ để tự xưng, lấy hiệu là Đông Pha cư sĩ. Từ đó về sau,

* NCS., Khoa Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

rất nhiều học giả nổi tiếng từng nghiên cứu Phật học đã trở thành cư sĩ giống như Tô Thức.

Ba là, sự hợp nhất Tam giáo (Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo): Do giai cấp thống trị nhà Đường thực hiện chính sách Tam giáo thịnh hành đã thúc đẩy sự dung hợp của Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo. Tới thời Đường Tống, ảnh hưởng của Tam giáo ngày càng sâu đậm, trào lưu Tam giáo hợp nhất được hình thành. Theo nhà sư Đạo An thời nhà Tấn, không có sự khác biệt giữa ba tôn giáo, vì chúng đều chủ trương những điều thiện lành. Về học thuyết, những phương thức mà mỗi tôn giáo ứng dụng là khác nhau, tuy nhiên cả ba có một vài điều chung. Nhà sư Trí Viễn vào thời nhà Tống cho rằng, Không giáo tốt cho thể chất, Phật giáo tốt cho tinh thần. Vì vậy, ông chủ trương Khổng giáo và Phật giáo có thể bổ sung cho nhau và làm lợi ích lẫn nhau². Như vậy, Tam giáo đồng nguyên đã trở thành một dòng chính của hiện tượng xã hội. Nho giáo sau khi tiếp nhận tư tưởng Phật giáo đã hình thành nên một loại triết học mới là Tân Nho. Đạo giáo sau khi tiếp nhận tư tưởng Phật giáo đã xuất hiện thêm những phái mới như Kim Chân giáo và Thái Nhất giáo.

Bên cạnh đó, Phật giáo còn ảnh hưởng sâu sắc đến thờ cúng dân gian Trung Quốc. Sau khi thâm nhập, Phật giáo làm tăng thêm tính thần bí và phức tạp của thờ cúng dân gian Trung Quốc. Một số quan niệm của Phật giáo phù hợp với tư tưởng phổ biến trong xã hội Trung Quốc, nên dân chúng tiếp nhận và tán đồng. Một số hình tượng mà Phật giáo sùng bái đứng trong đôi tượng sùng bái truyền thống của dân chúng. Cụ thể:

Với sùng bái gia thần: Tín đồ Phật giáo thờ Phật cùng với gia thần truyền thống. Gia đường người Bạch thờ thần phân làm tam cách, tả cách thờ linh vị tổ tông tam đại, trung cách thờ Phật Thích Ca Mâu Ni, hữu cách thờ Táo Quân. Khi thờ thì dâng thịt, mời nhà sư đến tụng kinh và thờ chung tất cả thần tại gia đường³.

Với sùng bái tục thần: Người Hán rất coi trọng sinh đẻ. Trong quan niệm truyền thống của họ, đông con cháu mới nhiều phúc, nên họ rất sùng bái Quan Âm Tống Tử, Nương Nương Quảng Sinh, Nương Nương Thái Sơn hay Bích Hà Nguyên Quân. Trong đó, Quan Âm Tống Tử có nguồn gốc từ Bồ tát Quán Thế Âm trong Phật giáo. Sự xuất hiện của Bồ tát Quán Thế Âm sớm nhất là vào thời Ngụy Tấn khi Phật giáo đang thịnh truyền. Do tên của Bồ tát này trong tiếng Phạn khá dài với nhiều âm tiết khó nhớ, nên dịch nghĩa là Quán Thế Âm (thường gọi tắt là Quan Âm), ý chỉ vị thần luôn quan sát và lắng nghe âm thanh khổ nạn để cứu giúp nhân thế.

Bồ tát vốn là vị Phật đại từ bi cứu giúp nhân thế thoát khỏi khổ nạn. Vốn là đàn ông, nhưng đến thời Nam Bắc Triều, Quan Âm biến thành đàn bà được mọi người cung phụng. Đến thời Minh Thanh, trong chức trách cứu khổ cứu nạn, dân chúng lại thêm nội dung chiêu tài tống tử, thế là trong các miếu thờ Quan Âm, đa phần mọi người sùng bái vị thần này để cầu sinh con. Điều này làm thay đổi vị thần Phật giáo nguyên bản⁴. Từ đó, Bồ tát được gọi với cái tên Quan Âm Tống Tử. Thờ cúng Bồ tát Quan Âm trở thành phổ biến rộng rãi trong dân chúng Trung Quốc.

Ngoài Quan Âm, sự sùng bái Quan Vũ trong dân chúng rất phổ biến. Vị thần này cũng được Đạo giáo và Phật giáo coi trọng thờ cúng. Đạo giáo tôn Quan Vũ thành Đấng Ma Chân Quân, Phục Ma Đại Đế. Phật giáo tôn Quan Vũ thành thần hộ pháp, cho nên trong rất nhiều ngôi chùa lớn có tượng của ông hoặc có Quan Đế điện. Điều đó cho thấy, Quan Đế trong thờ cúng dân gian được nạp vào các vị thần Phật giáo. Quan Đế và Quan Âm, một văn một võ, một nam một nữ, hợp thành quan niệm thờ cúng dân gian ở Trung Quốc.

Với sùng bái quỷ linh: Đây là một trong những hình thức thờ cúng xuất hiện sớm nhất và cơ bản nhất trong thờ cúng dân gian Trung Quốc. Chịu ảnh hưởng của thuyết Địa Ngục trong Phật giáo, dân chúng càng phổ biến niềm tin vào việc con người sau khi qua đời, linh hồn sẽ vào Âm Phủ và biến thành quỷ linh, chịu sự phán xét ở dưới đó. Thờ cúng quỷ linh gồm sùng bái với Quỷ Đế Diêm Vương, quỷ sứ và hồn ma. Sùng bái Địa Tạng Vương cũng thuộc sùng bái Quỷ Đế Diêm Vương trong dân chúng. Thờ cúng Địa Tạng Vương vốn từ thờ cúng Bồ tát Địa Tạng Vương trong Phật giáo. Nhưng trong thờ cúng dân gian Trung Quốc, Địa Tạng Vương lại bị gán vào vị vua ở dưới Địa Phủ chủ quản quỷ giới. Thậm chí, theo truyền thuyết, Địa Tạng Vương là giáo chủ thống quản Âm Phủ, Thập Điện Diêm Vương phải lễ bái Địa Tạng Vương. Tuy nhiên, trong dân chúng, thờ cúng Diêm Vương vẫn mạnh hơn so với thờ cúng Địa Tạng Vương⁵.

Với sùng bái nhân thần: Nhân thần là nhân vật lịch sử được dân chúng thần thánh hóa. Những nhân vật này không chỉ được lưu truyền thành tích thần kỳ trong truyền thuyết dân gian, mà còn được dân gian cung phụng và thờ cúng⁶.

Trong số nhân thần được sùng bái có các cao tăng được thần thánh hóa. Sự sùng bái của dân chúng đối với Bồ tát Địa Tạng Vương trong Phật giáo được gán cùng các nhân vật lịch sử khiến cho việc thờ cúng Bồ tát mang

đậm màu sắc nhân vật thần thánh hóa. Địa Tạng Yển Vĩ Phục vốn là một vị Bồ tát phổ độ lục đạo chúng sinh trong thế giới vô hóa xuất hiện sau khi Thích Ca Mâu Ni tịch diệt và trước khi Di Lặc tạ thế, còn được gọi là Bồ tát Đại Bi, Bồ tát Đại Nguyên. Trong quá trình lưu truyền tại Trung Quốc, Địa Tạng được gán vào những nhân vật cụ thể. *Một là*, Địa Tạng Vương vốn là cao tăng Mục Kiền Liên/ Mục Liên cứu mẫu thân khỏi Địa Ngục. Ông đã phụng Phật chỉ tổ chức Trai Tăng hội (Ô Lan Bà hội hay Vu Lan hội), vào ngày 15 tháng 7 với hàng trăm món ăn ngon cung cấp cho tăng nhân để siêu độ cho phụ mẫu rời khỏi Địa Ngục. Mục Liên sau khi mất được tôn thành Tạng Vương, tức chủ của Âm Phủ. *Hai là*, theo *Cao Tăng truyện* thời Tống, Bồ tát này vốn xuất thân từ Tân La quốc vương, họ Kim, tên là Kiều Giác, xuống tóc thành tăng sĩ. Những năm 756 - 758, ông vượt biển đến Trung Quốc, tu hành tại Cửu Hoa Sơn. Theo truyền thuyết, năm 99 tuổi, ông tự viên tịch. Đến nay, Cửu Hoa Sơn vẫn lưu giữ điện tháp chứa thân xác của ông. Sau khi qua đời, ông trở thành Bồ tát Địa Tạng Vương, nắm giữ Âm Phủ, thống lĩnh các Diêm La Vương. Tục truyền, ngày 30 tháng 7 là ngày sinh nhật của Địa Tạng.

2. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với tâm lý và tính cách người dân Trung Quốc

Ảnh hưởng của Phật giáo đối với tâm lý người dân Trung Quốc chủ yếu biểu hiện ở ba phương diện:

Thứ nhất, nhấn mạnh tâm lý xuất thế: Trước khi Phật giáo truyền vào, văn hóa truyền thống Trung Quốc không thiếu tư tưởng yếm thế, nhưng cơ bản dừng lại ở lý tưởng trốn thế của Lão Trang. Sau khi du nhập vào Trung Quốc, Phật giáo đã dựa trên tư tưởng xuất thế và giải thoát khỏi nạn của mình để xây dựng nên cứu thế chủ, có thể cứu giúp mọi người thoát khỏi khổ nạn như Bồ tát Quán Thế Âm, Phật Di Lặc, v.v... Phật giáo bàn luận về luân hồi, báo ứng, dạy con người vứt bỏ thế giới hiện thực, đề tu cho kiếp sau. Những điều này đã ảnh hưởng đến tâm lý xuất thế của người dân Trung Quốc.

Đặc biệt, sự du nhập và truyền bá của tư tưởng Bàn Nhược đã ảnh hưởng trên nhiều phương diện tâm lý đối với người dân Trung Quốc, trong đó có tâm lý xuất thế. Trong Kinh *Bàn Nhược* có không ít tư tưởng xuất thế, tuyên truyền sự biến đổi thần thông các vị Phật và Bồ tát, thần hóa thờ cúng Bàn Nhược. Ví dụ, chỉ cần thụ trì và tuyên truyền các loại kinh Bàn Nhược, con người có thể nhận được sự bảo hộ của thiên thần, các vị Phật và đẩy lùi mọi hiểm ác. Sự tuyên truyền tôn giáo này không

những thâm nhập vào người lao động, khiến cho người không biết chữ cũng có thể đọc thuộc kinh văn Phật giáo, tôn Phật giáo lên làm thánh điển, mà còn được cả các nhân sĩ thượng tầng trong xã hội phong kiến Trung Quốc tiếp nhận.

Thứ hai, nhấn mạnh tâm lý linh hồn bất tử: Văn hóa truyền thống Trung Quốc thường có thái độ trốn tránh vấn đề thế giới sau khi con người qua đời; tuy có tư tưởng linh hồn bất tử nhưng còn sơ lược và chưa có hệ thống. Trong Nho giáo tồn tại tư tưởng linh hồn bất tử, nhưng không bàn luận nhiều về nó. Trong Đạo giáo tồn tại tư tưởng xuất thế thoát tục siêu phàm, trong quảng đại các giai tầng xã hội quan niệm về quỷ thần, âm dương hỗn tạp, tuy tin tưởng vào sự tồn tại của linh hồn sau khi chết, nhưng không quan niệm về thế giới bên kia hoàn chỉnh và rõ ràng. Tư tưởng thế giới bên kia của Phật giáo làm phong phú thêm tư tưởng linh hồn bất tử trong văn hóa truyền thống Trung Quốc.

Phật giáo Nguyên Thủy gọi Niết Bàn là tịch diệt hoàn toàn, “khô thân diệt trí, quyên hình tuyệt lự”. Đó là cái chết triệt để về thể xác và tinh thần. Điều này được hiểu và tiếp nhận bởi quan niệm truyền thống thông thường. Cho đến tận ngày nay, hầu hết người dân Trung Quốc vẫn coi Niết Bàn là tên gọi thay thế cho tử vong. Phật giáo Đại Thừa luận chứng thế gian và Niết Bàn không khác biệt, phản đối thoát ly thế gian để theo đuổi cõi Niết Bàn. Niết Bàn mà Phật giáo Đại Thừa mô tả là vĩnh hằng, tràn ngập hoan lạc, loại bỏ được mọi phiền não. Những mô tả tinh tế và tán dương của Phật giáo về thế giới cực lạc và những thuật giảng về sự sợ hãi đối với các loại Địa Ngục được người dân Trung Quốc đồng tình và đón nhận, bổ sung thêm cho tư tưởng linh hồn bất tử trong văn hóa truyền thống Trung Quốc.

Thứ ba, nhấn mạnh tâm lý yêu người: Tư tưởng luân lý Nho gia có hai đặc điểm nổi bật: nhấn mạnh quan hệ nhân luân, thể hiện dĩ nhân vi bản; và nhấn mạnh tôn tôn thân thân, ái hữu sai đẳng. Còn trong tư tưởng Phật giáo, chủ thể của hành vi luân lý không nhất thiết phải là con người, mà là chúng sinh, tức mọi vật chất hữu sinh mệnh hay vô sinh mệnh bên ngoài con người với con người. Đối với tư tưởng này, người dân Trung Quốc ban đầu cảm thấy rất khó tiếp nhận. Họ khó lý giải việc sinh vật bên ngoài con người cũng đang nhận được sự cứu giúp và cần phải ban cho sự yêu thương. Do vậy, kinh Phật được dịch trong thời Đông Hán đều chuyển từ “sinh vật” thành “nhân” hoặc “nhân dân” để thích ứng với tập tục của nhà Hán.

Nhà Hán dần tiếp nhận tư tưởng này, nên trong Tam Quốc có chỗ dịch là “nhân thiên” (người và thần), đến nhà Đường có chỗ dịch là “hữu tình”, sau này phổ biến dịch thành “chúng sinh”. Chúng sinh từ đó trở thành chủ thể luân lý của Phật giáo, cũng trở thành từ được sử dụng rộng rãi trong quan niệm luân lý xã hội của Trung Quốc. Phật giáo cho rằng, chúng sinh bình đẳng và chỉ cần lạc thiện hảo thí, tích đức phụng Phật thì đều có thể thành Phật. Chủ trương này khiến cho quan niệm về bình đẳng, từ bi, khoan dung, yêu người trở thành tín điều của giới tu sĩ Phật giáo và trở thành điểm lắng đọng trong tâm lý của người dân Trung Quốc.

Bên cạnh tâm lý, Phật giáo còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến tính cách của người dân Trung Quốc. Đặc trưng tính cách của người dân Trung Quốc là hướng nội, khép kín, kiềm chế, trầm tĩnh và kín đáo. Những đặc trưng tính cách này là kết quả sự hun đúc của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Phật giáo làm đậm thêm đặc trưng tính cách này của dân tộc Trung Hoa. Tính cách của dân tộc Trung Hoa có cả mặt tích cực lẫn mặt hạn chế. Phật giáo cũng ảnh hưởng đến tính cách của dân tộc Trung Hoa từ hai phương diện tích cực và hạn chế.

Thứ nhất, nhấn mạnh tính cách dung nạp, đồng hóa: Sự du nhập của Phật giáo đã mở mang thêm cho tâm hồn, làm gia tăng khí chất dung nạp, đồng hóa của dân tộc Trung Hoa đối với văn hóa của các dân tộc khác. Đối với văn hóa du nhập từ bên ngoài vào, Trung Quốc thường áp dụng thái độ khoan dung. Phật giáo cũng bao hàm tinh thần khoan dung này. Dễ dàng nhận thấy, trong rất nhiều điển cố của kinh Phật, không ít ác ma được giáo hóa trở thành hộ pháp. Bồ tát Quán Thế Âm đi sâu vào trong tâm người Trung Quốc bởi tấm lòng đại từ, đại bi, cứu độ chúng sinh. Bà nhận được sự kính ngưỡng và sùng bái của mọi người.

Quá trình phát triển của Phật giáo tại Trung Quốc cho thấy, mọi giai tầng xã hội đất nước này có thái độ khoan dung đối với Phật giáo. Thậm chí, họ còn chủ động tiếp nhận Phật giáo. Phật giáo có thể hòa nhập với trung thổ, vì nó có liên quan chặt chẽ đối với sự khoan dung của người dân Trung Quốc.

Mặt khác, xét từ yếu tố nhân văn vốn có, Phật giáo nhấn mạnh nghiêm vụ luật kỷ, lạc thiện hảo thí, tự giác giác tha, khoan dĩ đãi nhân, chúng sinh bình đẳng; đồng thời thiên về tư biện và triết lý rõ ràng. Điều này thúc đẩy phát triển đặc điểm tâm lý tính cách của dân tộc Trung Hoa như lòng khoan dung, bác ái, lương thiện, trầm tĩnh, chặt chẽ, cẩn thận, trọng tu dưỡng, tự kiểm điểm. Đặc biệt, một số tông phái của Phật giáo nhấn

mạnh tính chủ quan, năng động và ý thức tự lực. Tư tưởng này được một số phái cải cách xã hội tiếp nhận để khích lệ ý chí, rèn luyện cá tính con người. Phái cải cách của Đàm Tự Đồng cuối thời nhà Thanh chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng này. Văn hóa thiền của Phật giáo càng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến triết học xử thế và quan niệm thẩm mỹ của dân tộc Trung Hoa.

Thứ hai, nhấn mạnh tính cách hướng nội, bảo thủ: Ảnh hưởng của Phật giáo đối với dân tộc Trung Hoa là đa tầng. Tầng lớp trí thức và tầng lớp đại sĩ phu chú trọng tiếp nhận triết lý trong Phật giáo để tu thân dưỡng tính, hun đúc tình cảm, tìm kiếm sự an ủi và giải thoát về mặt tinh thần. Còn đối với quảng đại quần chúng, công dụng của Phật giáo ở chỗ có thể đáp ứng nhu cầu cầu phúc trừ họa cho kiếp này và mưu cầu hạnh phúc cho kiếp sau. Thuyết nhân quả luân hồi, niềm tin vào số mệnh và một loạt tư tưởng duy tâm vượt ra ngoài hiện thực mà Phật giáo truyền làm gia tăng tâm lý, tính cách hướng nội, khép kín, bảo thủ của dân tộc Trung Hoa.

3. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học Trung Quốc

Phong cách sáng tác chủ yếu của văn học cổ điển Trung Quốc là trọng nhân thế, giàu ảo tưởng, thuận tự nhiên, thích phong cảnh. Còn Phật giáo lại tích cực khởi xướng nhân sinh nhìn vào cái vô thường để thấy được sự biến chuyển kỳ ảo của vũ trụ. Điều này mở rộng không gian tưởng tượng, phát triển tư duy của các sáng tác, tăng cường tính truyện và tính hấp dẫn, khiến cho văn học Trung Quốc ngày càng đa dạng hóa. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học Trung Quốc thể hiện chủ yếu trên những mặt sau:

Một là, mở rộng vốn từ vựng và nội dung của tiếng Hán: Rất nhiều từ ngữ mà người dân Trung Quốc sử dụng trong đời sống hằng ngày như nhất trần bất nhiễm (chẳng một mảy bụi nào làm mình vẫn đục), nhân quả, thế giới, phiền não, biến hóa, hoan hỷ, hòa thượng, nhân duyên, bình đẳng,... là từ ngữ Phật giáo. Chúng đã làm phong phú thêm cho từ vựng, trở thành một bộ phận không thể tách rời của ngôn ngữ Trung Quốc.

Cùng với quá trình dịch thuật và lưu truyền kinh Phật, những điển cố hay và từ ngữ mới trong Phật giáo dần được người dân Trung Quốc sử dụng. Điều này rõ ràng làm cho văn hóa và ngôn ngữ của Trung Quốc vô cùng phong phú. Các từ ngữ: chúng sinh, tam thế nhân quả, chư hành vô thường (mọi sự vật, hiện tượng luôn biến đổi), luân hồi chuyển sinh,... đều mượn của Phật giáo.

Cùng với sự hoằng truyền Phật pháp, tiếng Hán tăng thêm hơn 35.000 từ mới. Có thể thấy, trong tiếng Hán, từ đơn của thành ngữ, từ tổ và thậm chí từ trong tiếng lóng đều có dấu ấn của văn hóa Phật giáo, ví dụ, chân như, bàn nhược, tam muội, lục căn thanh tịnh, tứ đại giai không, tứ vô lượng tâm, hỏa trung sinh liên, nhân quả báo ứng, công đức vô lượng, duy ngã độc tôn, khổ hải vô biên hồi đầu thị ngạn (biển khổ vô biên quay đầu là bờ), cứu nhân nhất mệnh thắng tạo thất cấp phù đồ (cứu một mạng người hơn xây tòa tháp bảy tầng), nhân dữ nhân đích duyên phận (duyên phận giữa người với người), thiện ác đáo đầu chung hữu báo (làm thiện ác cuối cùng đều nhận báo ứng), chúng qua đắc qua chúng đậu đắc đậu (nhân nào quả nấy), v.v... Tất cả từ ngữ nêu trên đều có nguồn gốc trực tiếp từ Phật giáo hoặc là sản phẩm sự kết hợp giữa Phật giáo và tập tục dân gian. Những từ ngữ mới này làm phong phú thêm vốn từ vựng trong ngôn ngữ văn học Trung Quốc, khiến cho cách nhìn trong văn học Trung Quốc ngày càng được mở rộng, phá vỡ hạn chế dùng tự bỏ từ trước đây, khiến cho hệ thống từ ngữ vốn có của dân tộc Trung Hoa, bất luận là về tính hình tượng, tính sinh động hay tính triết lý, đều thêm sâu sắc.

Nội dung tiếng Hán cũng được mở rộng hơn khi kinh Phật bắt đầu được dịch thuật, bởi lúc đó các dịch giả sử dụng từ ngữ cổ. Nhưng sau một thời gian nghiên cứu, họ thấy rằng, từ cũ và nghĩa mới rất khó kết hợp với nhau. Nếu tiếp tục sử dụng từ ngữ cổ thì sẽ không biểu đạt được hết ý. Do vậy, yêu cầu bức thiết đặt ra là phải sáng tạo thêm từ ngữ mới. Điều này vô hình trung đã thúc đẩy việc mở rộng nội dung của chữ quốc ngữ.

Hai là, làm thay đổi hình thức văn thể: Văn thể của kinh Phật và thư tịch bình thường có sự khác biệt rất lớn. Trong đó, rõ nhất là, nội dung kinh Phật vừa không sử dụng các chữ “chi, hồ, giả, dã”, vừa không dùng những câu văn mỹ lệ; mà sử dụng rất nhiều hiện tượng đảo chữ, hình dung từ, trùng điệp ngữ trong một đoạn văn, tản văn và thơ ca đan xen, bất luận nội dung là thuyết lý hoặc trần thuật hay hỏi đáp⁷. Văn thể trong kinh Phật đã ảnh hưởng không nhỏ đến văn thể trong văn học Trung Quốc.

Đức Phật thuyết pháp, đệ tử tập hợp lại thành mười hai bộ kinh là *Trường hành, Trọng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí như, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Vị tăng hữu, Luận nghị*. Mười hai bộ kinh này là mười hai hình thức văn học, có thể gọi là bản mẫu của văn thể học. Rất nhiều kinh điển Phật giáo là một tác phẩm văn học tuyệt vời. *Kinh Duy Ma, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa...* là những tuyệt tác văn

học được cả thế giới công nhận. *Kinh Bản Sinh* là văn học truyền ký nổi tiếng. *Kinh Phổ Diệu* là truyện trường thiên. *Phật sở hành tán* là thơ tự sự trường thiên.

Ngoài ra, kệ tụng, tán, tân văn, truyện, tục giảng, biến văn, ngữ lục, du ký, văn tập,... trong điển tịch Phật giáo là những hình thức văn học Phật giáo tuyệt vời. Những hình thức văn học này dựa trên sự tưởng tượng phong phú và màu sắc thần thoại đem lại cho văn học Trung Quốc những văn thể mới. *Kinh Pháp Hoa*, *Kinh Duy Ma Cật*, *Kinh Bách Dụ*,... đã cổ vũ những tác phẩm tiểu thuyết thời Tấn Đường; tư tưởng Bàn Nhược và Thiền tông đã ảnh hưởng đến sáng tác thơ ca của các đại văn hào như Đào Uyên Minh, Vương Duy, Bạch Cư Dị, Vương An Thạch, v.v... Tục giảng và biến văn của Phật giáo có vai trò thúc đẩy nhất định đối với sự hình thành văn học thông tục Trung Quốc như thuyết thư, tiểu thuyết, v.v... Tiểu thuyết bạch thoại Trung Quốc manh nha từ biến văn của năm triều đại cuối thời nhà Đường. Ngữ lục của Thiền tông không chỉ được mô phỏng bởi các Lý học gia thời Tống Minh, mà còn ảnh hưởng đến các tác phẩm văn học dân gian sau này. Tiểu thuyết truyền kỳ thần quái *Tây du ký* thời Minh là đại tác phẩm dài tập do Ngô Thừa Ân sáng tác nhờ lấy cảm hứng từ *Đại Đường tây vực ký* của Đại sư Huyền Trang thời Đường. *Hồng lâu mộng*, *Lão tàn du ký*,... cũng là các tác phẩm văn học chịu ảnh hưởng của Phật giáo.

Ba là, sự phát triển của phong cách nghệ thuật văn học: Từ Lục Triều đến Nhị Tống, Phật học được thịnh hành. Rất nhiều nhà thơ bước chân vào mảnh đất Phật giáo, kết giao với giới tăng sĩ, nên sáng tác thơ ca của họ chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo. Các nhà thơ nổi tiếng như Vương Duy, Bạch Cư Dị, Liễu Tông Nguyên,... rất sùng bái Phật giáo. Nhiều tác phẩm của họ thường ẩn Phật lý, Thiền ý trong đó⁸.

Sau thời Đường Tống, Thiền tông rất thịnh hành. Nhiều tác giả đưa thiền vào thơ, tiêu biểu như tác phẩm *Quá hương tích tự* của Vương Duy. Ngoài ra, trong Phật giáo còn xuất hiện một số thi tăng lấy thơ để giảng Phật lý. Thơ của họ cời mở, tự nhiên, lời ít mà ý nghĩa thâm sâu, có sức ảnh hưởng lớn đối với phong cách thơ đương thời. Vương Phạm Chí, Thập Đắc của thời Đường và Phật Ấn của thời Tống là những thi tăng nổi tiếng. Còn “Bồ Đề bản vô thụ/ Minh kính diệp phi đài/ Bản lai vô nhất vật, Hà sở nhạ trần ai” (Bồ Đề vốn không cây/ Gương sáng cũng chẳng đài/ Xưa nay không một vật/ Chỗ nào dính bụi nhơ) của Lục tổ Huệ Năng là tác phẩm kinh điển của thiền thơ.

Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học Trung Quốc còn thể hiện ở tiểu thuyết. Rất nhiều tiểu thuyết chí quái về Phật giáo báo ứng ra đời, chẳng hạn như tác phẩm *U minh lục* của Lưu Nghĩa Khánh. Nhiều tiểu thuyết sau này chịu ảnh hưởng của Phật giáo về đề tài, nhân vật và tình tiết. *Tây du ký*, *Tế Công*,... là những tiểu thuyết lấy đề tài từ Phật giáo. *Thủy hử*, *Hồng lâu mộng*,... mang đậm màu sắc Phật giáo. Ngoài ra, truyền thuyết dân gian lấy đề tài từ Phật giáo cũng rất nhiều. Tất cả điều này cho thấy vai trò to lớn của Phật giáo đối với văn học Trung Quốc.

4. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với nghệ thuật kiến trúc Trung Quốc

Kiến trúc cổ đại Trung Quốc tuy không có tính thực dụng như ở Châu Âu, nhưng luôn hướng tới cái đẹp như sự bố trí sắp đặt trước sau, sự tô điểm tuyệt vời trái phải của căn phòng, v.v... Đây là những điều mà kiến trúc Phương Tây không thể sánh kịp, đặc biệt là lối kết cấu và xây dựng của ngôi chùa. Nét tinh tế của ngôi chùa cùng với phong thái hùng vĩ trang nghiêm, tất cả mô phỏng theo lối kiến trúc của Phật giáo Nguyên thủy Ấn Độ. Các chùa tháp phổ biến ở Trung Quốc đại lục có thể đại diện cho tinh thần kiên nghị của Phật giáo, đem lại cho con người cảm giác thần thánh và tôn sùng⁹.

Chùa đã có từ thời cổ đại ở Trung Quốc. Còn tháp, một loại kiến trúc tôn giáo đặc thù, bắt đầu thịnh hành sau khi Phật giáo du nhập. Trong chùa và tháp bày biện nhiều sản phẩm nghệ thuật điêu khắc. Cùng với sự truyền bá của Phật giáo, chùa, tháp và nghệ thuật điêu khắc nhuốm đậm màu sắc tôn giáo. Phật giáo ảnh hưởng đến Trung Quốc từ hai phương diện kiến trúc và điêu khắc này.

Cùng với sự truyền bá của Phật giáo, nghệ thuật kiến trúc chùa tháp ngày càng hưng thịnh. Từ thế kỷ IV đến thế kỷ VI, khắp nơi trong cả nước Trung Quốc xuất hiện hệ thống kiến trúc chùa tháp vô cùng tráng lệ. Câu thơ “Nam triều tứ bách bát thập tự/ Đa thiếu lầu đài yên vũ trung” của thi nhân Đỗ Mục thời Đường cho thấy tự viện đương thời rất nhiều. Hiện nay, trong số các công trình kiến trúc cổ đại, Trung Quốc bảo tồn nhiều nhất chùa tháp, tiêu biểu như chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, các chùa Tung Sơn Thiếu Lâm và Nam Thiền ở Sơn Tây, các chùa Phật Quang và Hoa Nghiêm ở Sơn Tây, chùa Hàn Sơn ở Tô Châu, chùa Linh Cốc ở Nam Kinh, chùa Kim Sơn ở Trấn Giang, chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, chùa Khai Nguyên ở Tuyên Châu, chùa Dục Vương ở Ninh Ba, chùa Quốc Thanh ở Thiên Đài, chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu, v.v...; chùa tháp Đẳng Phong Tung Nhạc ở Hà Nam, chùa tháp Đại Nhạn ở Tây An,

chùa tháp Thiên Ninh ở Bắc Kinh. Chúng không chỉ là những kiến trúc tôn giáo thông thường, mà còn trở thành bằng chứng lịch sử cho một nền văn hóa phát đạt vào thời cổ đại ở Trung Quốc.

Các chùa trong hang đá nổi tiếng như Đôn Hoàng, Vân Phong, Long Môn,... là kho báu của nghệ thuật tạo tượng và điêu khắc ở Trung Quốc. Trong rất nhiều chùa hang ở Trung Quốc, Đôn Hoàng nổi tiếng nhất trên thế giới nhờ lịch sử lâu dài, quy mô vĩ đại, nghệ thuật điêu khắc và tạo tượng tinh xảo cùng với những bích họa rực rỡ và tạc kinh động đầy màu sắc truyền kỳ. Chùa hang Đôn Hoàng từ chỗ là nghệ thuật Phật giáo tuyệt đẹp do các nghệ nhân dân gian sáng tạo nên, đến nay trở thành di sản quý báu của nghệ thuật Phật giáo Trung Quốc, thậm chí là di sản quý báu của nghệ thuật Phật giáo thế giới. Vân Cương hiện tồn khoảng 53 hang động, tạo tác khoảng hơn 51.000 pho tượng. Trong đó, các hang động lớn đều được hoàn thành trước khi Ngụy Hiếu Văn đế dời đô về Lạc Dương. Hang động tiêu biểu nhất ở Vân Cương là Ngũ Quật Đàm Diệu thời Bắc Ngụy, một di sản văn hóa quý giá của Trung Quốc. Chùa hang Long Môn hiện còn hơn 2.100 gian thờ, hơn 40 tòa tháp, hơn 100.000 pho tượng. Hình tượng Phật, Bồ tát và đệ tử được tạo trong các hang động cuối thời Bắc Ngụy như động Cổ Dương, động Liên Hoa, động Tân Dương dựa trên phong cách Trung Nguyên mới mẻ đã ảnh hưởng đến văn hóa tôn giáo vùng Bắc Bộ. Những bức tượng này là tác phẩm nghệ thuật kiệt xuất. Long Môn nhị thập phẩm sớm nổi tiếng trong và ngoài Trung Quốc.

Ngoài ra, nghệ thuật tranh Phật cũng rất nổi tiếng ở Trung Quốc, chủ yếu là các bích họa. Các bích họa tại hang đá Đôn Hoàng ở Cam Túc, hang đá Long Môn ở Lạc Dương, hang đá Đại Đồng ở Sơn Tây được coi là văn minh của thế giới đều chịu ảnh hưởng nghệ thuật Phật giáo. Các câu chuyện động lòng người trong kinh Phật thường trở thành đề tài hội họa cho các nhà nghệ thuật. Các bích họa ở chùa thời Đường rất thịnh hành. Đường thời, các họa sĩ nổi tiếng như Bối Xuất, Như Diêm Văn Bản, Ngô Đạo Tử được biết đến tên tuổi nhờ tài năng vẽ Phật họa. Ngô Đạo Tử sở trường vẽ tranh nhân vật Phật giáo và tranh sơn thủy. Ông kết hợp thống nhất giữa phong cách tranh Trung Nguyên và phong cách Tây Vực hình thành nên phong cách riêng. Mọi người ví tranh nhân vật của ông là “Ngô đối đương phong”, gần giống với phong cách “Tào y xuất thủy” của họa sĩ nổi tiếng Tào Trọng Đạt. Trong họa học Trung Quốc có tranh văn nhân của phái Vương Duy, sau này phát triển thành tranh tả ý

thịnh hành từ sau thời Tống Nguyên. Hai loại tranh này có mối quan hệ mật thiết với tư tưởng Bàn Nhược và Thiền tông.

Bên cạnh đó, kinh Phật khắc trên đá là di sản văn hóa quý giá rất đáng trân trọng. Kinh Phật khắc trên đá bảo tồn tại Bắc Kinh được khắc lần đầu tiên vào thời Tùy, trải qua các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh với lịch sử hơn 1.000 năm, hiện đang trong quá trình khai quật và chỉnh lý, tất cả có khoảng 15.000 tấm kinh, khắc tổng cộng hơn 1.000 bộ kinh. Những tấm kinh này bảo tồn nhiều bản kinh cổ bị thất lạc từ lâu. Điều này có giá trị vô cùng to lớn trong việc chỉnh sửa, hiệu đính các bản kinh Phật. Hơn nữa, nghệ thuật thư pháp trong các tấm kinh Phật bằng đá cũng rất có giá trị. Đồng thời, trên các tấm kinh Phật bằng đá còn có một lượng lớn đề ký. Điều này có giá trị sử liệu cực kỳ quan trọng đối với nghiên cứu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội Trung Quốc từ thời Tùy Đường đến nay.

5. Kết luận

Phật giáo ảnh hưởng sâu rộng trong văn hóa Trung Quốc cùng với tiến trình bản địa hóa của tôn giáo này. Xuất phát từ Ấn Độ, Phật giáo du nhập vào Trung Quốc từ đầu Công nguyên, dần thâm thấu và đóng góp vai trò to lớn đối với sự phát triển của văn hóa Trung Quốc. Phật giáo đem lại ý tưởng mới, sức sống mới cho văn hóa Trung Quốc, mở ra trong lịch sử quốc gia này một trang văn hóa Phật giáo huy hoàng và xán lạn./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Dư Dương (2012), “Luận bàn về ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa cổ đại Trung Quốc”, *Kim Điện*, số 6.
- 2 Trần Gia Hoa (Nguyên Hiệp dịch), *Phật giáo và văn hóa Trung Quốc*, <http://thuvienhoasen.org>.
- 3 Ô Bính An (1996), *Tín ngưỡng dân gian Trung Quốc*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải.
- 4 Ô Bính An (1996), *Tín ngưỡng dân gian Trung Quốc*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải.
- 5 Ô Bính An (1996), *Tín ngưỡng dân gian Trung Quốc*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải.
- 6 Ô Bính An (1996), *Tín ngưỡng dân gian Trung Quốc*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải.
- 7 Vương Ngọc Tích (2012), “Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa Trung Quốc”, *Nhà văn trẻ*, số 5.
- 8 Vương Ngọc Tích (2012), “Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa Trung Quốc”, *Nhà văn trẻ*, số 5.
- 9 Vương Ngọc Tích (2012), “Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa Trung Quốc” *Nhà văn trẻ*, số 5.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ô Bính An (1996), *Tín ngưỡng dân gian Trung Quốc*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải.
2. Dư Dương (2012), “Luận bàn về ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa cổ đại Trung Quốc”, *Kim Diên*, số 6.
3. Trần Gia Hoa (Nguyễn Hiệp dịch), *Phật giáo và văn hóa Trung Quốc*, <http://thuvienhoasen.org>.
4. Vương Ngọc Tích (2012), “Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa Trung Quốc”, *Nhà văn trẻ*, số 5.
5. Vương Nghiêu (1997), *Phật giáo và văn hóa truyền thống Trung Quốc* (2 tập), Nxb. Văn hóa Tôn giáo, Bắc Kinh.
6. Tề Quân (2002), *Phật giáo và văn hóa truyền thống Trung Quốc*, Nxb. Cổ tịch Thượng Hải.
7. Triệu Phổ Sơ, *Về ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa Trung Quốc*, <http://cnki.net>.
8. Trần Thị Ngọc Sương (2006), “Sự hòa nhập và ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa Trung Quốc”, *Nghiên cứu Văn hóa*, số 2.

Abstract**FURTHER DISCUSSION ON THE EFFECT OF BUDDHISM IN CHINESE CULTURE**

Buddhism is one of the largest religions in the world, it has the origin of Indian but it was propagated and strongly expanded in East Asia and South East Asia. In the process of propagating, Buddhism deeply affected to Chinese culture. This article clarifies the Buddhist effects in Chinese culture in the aspects such as endogenous religions, Chinese mentality and characters, literature, architectural art.

Keywords: Buddhism, endogenous religions, Chinese culture, Chinese literature, architectural art.